

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 21/2018/HSST.

Ngày 26/7/2018.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Xuân Sơn.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Nghĩa và ông Y Ngọc Ê Ban.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/7/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2018/HSST ngày 29/5/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HS ngày 14/6/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn M, Sinh năm 1964 tại tỉnh Quảng Bình.

Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Con ông: Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Kiều Thị X (đã chết); Có vợ là Đào Thị L, Sinh năm: 1971, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 19/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Đánh bạc” theo bản án số 47/2015/HSST, đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích. Ngày 18/7/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, theo bản án số 230/2018/HSPT ngày 18/7/2018.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Quyết định cho bảo lãnh số 210 ngày 24/4/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B. Hiện ở tại Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Họ và tên: Bùi Thế M, Sinh năm: 1985 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, Sinh năm 1957; Có vợ là Đỗ Thị Mỹ P, Sinh năm 1987, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền sự: Không.

Nhân thân và tiền án: Ngày 25/9/2007 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, về tội: “Đánh bạc” theo bản án số 47/2007/HSST, đã chấp hành xong hình phạt đã được xóa án tích. Tại bản án số 40/2015/HSPT ngày 30/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 06 tháng tù, về tội: Đánh bạc, đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích. Ngày 18/7/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, theo bản án số 230/2018/HSPT ngày 18/7/2018.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Quyết định cho bảo lãnh số 213 ngày 24/4/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B. Hiện ở tại Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

3. Họ và tên: Huỳnh Văn D, - Sinh năm 1988 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Huỳnh Bửu L, Sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Kim N, Sinh năm 1968; Có vợ là H’Loan Đ, Sinh năm 1990; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/01/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 05 tháng tù, về tội: “Đánh bạc”, ngày 24/8/2015 đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Quyết định cho bảo lãnh số 214 ngày 24/4/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B. Hiện ở tại Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

4. Họ và tên: Nguyễn Tiến V, Sinh năm 1985 tại tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi ĐKNKTT: Xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Tiến T, Sinh năm: 1955 và bà: Nguyễn Thị T, Sinh năm: 1961; Có vợ là Đoàn Thị Thu T, Sinh năm: 1983, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không..

Nhân thân: Ngày 26/11/2009 bị Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 18 tháng tù, về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 11/01/2011 đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 85 ngày 09/3/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk. Hiện ở tại Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

5. Họ và tên: Đào Minh B, Sinh năm 1985 tại tỉnh Nam Định;

Nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú : Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đào Đức S, Sinh năm: 1960 và bà: Lý Thị L, Sinh năm: 1960; Có vợ là Nông Thị H, Sinh năm: 1986, có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 86 ngày 09/3/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk. Hiện ở tại Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

6. Họ và tên: Nguyễn Trọng T, Sinh năm 1972 tại tỉnh Phú Thọ.

Nơi ĐKNKTT: Thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Bá L (đã chết) và bà: Nguyễn Thị X, Sinh năm: 1943; Có vợ là Nguyễn Thị T, Sinh năm: 1982, có 01 con sinh năm: 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam từ ngày 08/5/2018 đến nay, trong vụ án khác về hành vi “Đánh bạc” – có mặt.

7. Họ và tên: Triệu Xuân N, Sinh năm 1996 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Con ông: Triệu Hồng P, Sinh năm: 1964; và bà Hoàng Thị T, Sinh năm: 1967.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 83 ngày 09/3/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk. Hiện ở tại Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Xuân N: Bà Nguyễn Thị Thu T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

Người phiên dịch cho bị cáo Triệu Xuân N: Ông Trương Văn V – Cán bộ phòng Văn hóa Thông tin huyện B – có mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đoàn Văn A – sinh năm 1952.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk- vắng mặt.

- Bà Ngô Thị H – sinh năm 1957.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

- Ông Dương Xuân Đ – sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

- Ông Trần Sĩ L – sinh năm 1973.

Nơi cư trú: 151, Phường K, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk- vắng mặt.

- Ông Võ Thành N – sinh năm 1977.

Nơi cư trú: 393 Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk- vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn S – sinh năm 1958

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk- vắng mặt.

- Anh Phạm Quang T – sinh năm 1985

Nơi cư trú: Buôn A, Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk- vắng mặt.

- Anh Lê Văn S– sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk- vắng mặt.

Những người làm chứng:

- Ông Lê Văn D – sinh năm 1957.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk- vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thế Đ – sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số 56 Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk- vắng mặt.

- Ông Nguyễn Khánh N – sinh năm 1952.

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk- vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2017, Nguyễn Tiến V thuê lại căn nhà của ông Đoàn Văn A và bà Ngô Thị H, ở Thôn B, xã T, huyện B để mở quán cà phê P bán nước giải khát.

Tối ngày 26/02/2018, Nguyễn Văn M đến quán P để uống cà phê, tại đây M rủ một số người có mặt tại quán chơi xóc đĩa chẵn - lẻ được thua bằng tiền và hỏi mượn địa điểm quán cà phê P làm nơi đánh bạc và được Nguyễn Tiến V đồng ý. Để chuẩn bị cho việc đánh bạc, V cho mượn chiếu, chén, đĩa và một bộ bài tây (bài tú lơ khơ 52 lá), số người này đã tự cắt 04 (bốn) con vị từ bộ bài tây làm dụng cụ cho việc đánh bạc. Tuy nhiên, do ít người tham gia nên việc đánh bạc không diễn ra, số công cụ đánh bạc nêu trên được V cất giữ lại.

Tối ngày 27/02/2018, Nguyễn Văn M cùng Bùi Thế M; Huỳnh Văn D; Đào Minh B; Nguyễn Trọng T và Triệu Xuân N tiếp tục đến quán P uống cà phê. Khoảng 23 giờ cùng ngày, cả nhóm cùng nhau rủ chơi xóc đĩa và hỏi mượn địa điểm quán P và được V đồng ý. Đồng thời, V lấy chiếu, chén, đĩa, một bộ bài tây (bài tú lơ khơ) và 04 (bốn) con vị đã được chuẩn bị sẵn vào đêm ngày 26/02/2018 ra để cả nhóm đánh bạc (xóc đĩa). Khi bắt đầu tham gia đánh bạc, M làm cái xóc cho những người còn lại tham gia đặt cược, riêng M không tham gia đặt cược mà làm cái Xen-ko (hình thức cũng là đánh xóc đĩa nhưng thắng cược với tỉ lệ cao hơn thông thường). Chơi được khoảng 60 phút thì M đưa cho Nguyễn Tiến V làm cái, quá trình đánh bạc các con bạc tham gia đặt cược từ 20.000 đồng đến 500.000 đồng. Số tiền giao động trong một ván đặt cược là khoảng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Khi mọi người tham gia đánh bạc M đã thu tổng số tiền 500.000 đồng của những người tham gia đánh bạc, mục đích để trả tiền mua nước, thuốc phục vụ đánh bạc (tiền xâu) cụ thể: Thu của M 150.000 đồng; D 50.000 đồng; B 150.000 đồng; N 50.000 đồng; T 50.000 đồng và tự đóng phần của mình 50.000 đồng. Sau đó M đưa cho V 200.000 đồng, số tiền 300.000 đồng còn lại M

giữ để sau khi đánh bạc xong sẽ đưa tiếp cho V. Đến 00 giờ 20 phút ngày 28/02/2018, bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang.

Thu giữ trên chiếu bạc gồm: 5.900.000 đồng; 01 chiếu nhựa màu đỏ (kích thước 1,6x2m); 01 chén nhựa màu trắng (đường kính 10cm đã bị đập bể); 01 đĩa sứ màu trắng (đường kính 18cm) 04 con vị hình tròn được cắt từ **lã** bài tây; 04 (bốn) lá bài tây (01 lá bốn cơ, 01 lá bốn chuồn, 01 lá ba cơ, 01 lá ba chuồn) được sử dụng làm bàn xen-kô. Tạm giữ trên người Triệu Xuân N số tiền 800.000 đồng, tạm giữ trên người Nguyễn Văn M số tiền 32.850.000 đồng, tạm giữ trên người Bùi Thế M số tiền 8.000.000 đồng, tạm giữ trên người Huỳnh Văn D số tiền 14.900.000 đồng, tạm giữ trên người Nguyễn Trọng T số tiền 5.000.000 đồng, tạm giữ trên người Nguyễn Tiến V số tiền 640.000 đồng và tạm giữ trên người Đào Minh B số tiền 3.600.000 đồng.

Ngoài ra còn tạm giữ 05 xe máy các loại có đặc điểm:

1. Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA – SIRIUS, BKS: 47P5-5234.
2. Xe mô tô nhãn hiệu FUNNY, BKS: 47H3-9835.
3. Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA-NOVO, BKS; 47M6-9339.
4. Xe mô tô nhãn hiệu XIONGSHI, BKS: 47H8-6924.
5. Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA – SIRIUS, BKS: 47H1-037.43.

Tại biên bản xác định hiện trường ngày 17/4/2018, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B xác định: Hiện trường nơi xảy ra vụ đánh bạc là tại quán cà phê P, thuộc Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình điều tra xác định: Số tiền 640.000đ tạm giữ trên người của bị cáo Nguyễn Tiến V; số tiền 3.600.000đ tạm giữ trên người của bị cáo Đào Minh B và số tiền 800.000đ tạm giữ trên người của bị cáo Triệu Xuân N là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 10.940.000đ.

Về các xe mô tô tạm giữ tại sòng bạc, quá trình điều tra đã xác định:

- Xe mô tô BKS: 47P5-5234, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp bị cáo Huỳnh Văn D; xe mô tô 47H3-9835, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Nguyễn Tiến V; xe mô tô BKS; 47M6-9339, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Võ Thành N; xe mô tô 47H8-6924, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Đào Minh B; xe mô tô BKS: 47H1-037.43, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Lê Văn S.

Xét thấy 05 chiếc xe mô tô trên đều có nguồn gốc và chủ sở hữu rõ ràng; các bị cáo chỉ sử dụng các xe mô tô làm phương tiện đi lại chứ không sử dụng vào mục đích thực hiện tội phạm. Nên ngày 04/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 230, trả lại 05 chiếc xe mô tô trên cho các chủ sở hữu hợp pháp như đã nêu trên.

Đối với số tiền 32.850.000 đồng tạm giữ trên người Nguyễn Văn M; 8.000.000 đồng tạm giữ trên người Bùi Thế M; 14.900.000 đồng tạm giữ trên người Huỳnh Văn D và 5.000.000 đồng tạm giữ trên người Nguyễn Trọng T. Quá trình điều tra xác định số tiền trên các bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Nên ngày 27/4/2018, Cơ

quan CSĐT Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 224, trả lại số tiền trên cho các chủ sở hữu hợp pháp như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 28/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M, Huỳnh Văn D, Nguyễn Tiến V, Đào Minh B; Nguyễn Trọng T và Triệu Xuân N về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M, Huỳnh Văn D, Nguyễn Tiến V, Đào Minh B; Nguyễn Trọng T và Triệu Xuân N đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, đánh giá, phân tích những chứng cứ xác định hành vi phạm tội về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M, Huỳnh Văn D, Nguyễn Tiến V, Đào Minh B; Nguyễn Trọng T và Triệu Xuân N phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn M và Bùi Thế M.

- Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Văn M** từ 06 tháng đến 08 tháng tù, tổng hợp 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù của bản án số 230/2018/HSPT ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù. thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2017 đến ngày 21/8/2017 và từ ngày 28/02/2018 đến ngày 24/4/2018.

- Xử phạt: bị cáo **Bùi Thế M** từ 06 tháng đến 08 tháng tù, tổng hợp 09 (chín) tháng tù của bản án số 230/2018/HSST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2017 đến ngày 21/8/2017 và từ ngày 28/02/2018 đến ngày 24/4/2018.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Trọng T** từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Huỳnh Văn D và Nguyễn Tiến V.

- Xử phạt: bị cáo **Huỳnh Văn D** số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Tiến V** số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đào Minh B và Triệu Xuân N.

- Xử phạt: bị cáo **Đào Minh B** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt: bị cáo **Triệu Xuân N** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

5. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2 Điều 33 Bộ luật hình sự; Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

- Phạt các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M và Nguyễn Trọng T mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước, đối với các bị cáo Đào Minh B và Triệu Xuân N thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

6. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 224 Ngày 27/4/2018, trả lại số tiền 32.850.000 đồng cho Nguyễn Văn M, 8.000.000 đồng cho Bùi Thế M; 14.900.000 đồng cho Huỳnh Văn D, 5.000.000 đồng cho Nguyễn Trọng T và chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 230 ngày 04/5/2018 trả lại chiếc xe mô tô BKS BKS: 47P5-5234 cho Huỳnh Văn D, xe mô tô 47H3-9835 cho Nguyễn Tiến V, xe mô tô BKS: 47M6-9339 cho ông Võ Thành N, xe mô tô 47H8-6924 cho Đào Minh B, xe mô tô BKS: 47H1-037.43 cho ông Lê Văn S do không liên quan đến tội phạm là phù hợp.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 10.940.000 đồng, tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu nhựa màu đỏ (kích thước 1,6x2m); 01 chén nhựa màu trắng (đường kính 10cm đã bị đập bể); 01 đĩa sứ màu trắng (đường kính 18cm) 04 con vị hình tròn được cắt từ lá bài tây; 04 (bốn) lá bài tây (01 lá bốn cơ, 01 lá bốn chuồn, 01 lá ba cơ, 01 lá ba chuồn) được sử dụng làm bàn xen-kô.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn N: Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Triệu Văn N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo là người dân tộc thiểu số, có nơi cư trú rõ ràng, điều kiện khó khăn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 27/02/2018, Nguyễn Văn M, Bùi Thế M, Huỳnh Văn D, Nguyễn Tiến V, Đào Minh B; Nguyễn Trọng T và Triệu Xuân N cùng rủ nhau chơi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa tại quán cà phê P của Nguyễn Tiến V, ở Thôn A, xã T, huyện B. Đến 00 giờ 20 ngày 28/02/2018 thì bị Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền là: 5.900.000đ. Tạm giữ trên người Triệu Xuân N số tiền 800.000đ, tạm giữ trên người Nguyễn Tiến V số tiền 640.000đ và tạm giữ trên người Đào Minh B số tiền 3.600.000đ là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 10.940.000đ.

Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đào Minh B; Nguyễn Trọng T; Triệu Xuân N; Huỳnh Văn D; Bùi Thế M; Nguyễn Văn M và Nguyễn Tiến V đã phạm vào tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự như bản luận tội của Kiểm sát viên và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Triệu Xuân N tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại Điều 321. Bộ luật hình sự quy định:

1/ Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể, các bị cáo tự khởi xướng việc tham gia đánh bạc nên vai trò như nhau. Tuy nhiên, cần căn cứ vào tính chất, mức độ và hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để xử lý cho phù hợp.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M thực hiện hành vi phạm tội mới (ngày 29/5/2017 thực hiện hành vi “Đánh bạc”, ngày 18/7/2018 Nguyễn Văn M bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 01 năm 03 tháng tù; Bùi Thế M bị xử phạt 09 tháng tù, theo bản án số 230/2018/HSST ngày 18/7/2018) nên cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án về quy mô cũng như số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc không lớn, Sau khi bị bắt quả tang thì trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M, Huỳnh Văn D, Nguyễn Tiến V, Đào Minh B, Nguyễn Trọng T, Triệu Xuân N thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với các bị cáo Triệu Xuân N là người đồng bào dân tộc thiểu số, Nguyễn Văn M và Bùi Thế M có người nhà có công với cách mạng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo Đào Minh B, Nguyễn Trọng T, Triệu Xuân N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo Đào Minh B, Triệu Xuân N thuộc hộ nghèo, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Nguyễn Trọng T hiện đang bị tạm giam về hành vi đánh bạc trong vụ án khác. Do đó, cần xem xét khi lượng hình.

Căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M và Nguyễn Trọng T ra khỏi xã hội một thời gian nhất định.

Đối với các bị cáo Huỳnh Văn D, Nguyễn Tiến V không cần cách ly các bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền và các bị cáo Đào Minh B, Triệu Xuân N cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục răn đe các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét cần phải phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M và Nguyễn Trọng T mỗi bị cáo 10.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà Nước, các bị cáo Đào Minh B, Triệu Xuân N thuộc hộ nghèo nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xét thấy cần chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 224 Ngày 27/4/2018, trả lại số tiền 32.850.000 đồng cho Nguyễn Văn M, 8.000.000 đồng cho Bùi Thế M; 14.900.000 đồng cho Huỳnh Văn D, 5.000.000 đồng cho Nguyễn Trọng T và chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 230 ngày 04/5/2018 trả lại chiếc xe mô tô BKS BKS: 47P5-5234 cho Huỳnh Văn D, xe mô tô 47H3-9835 cho Nguyễn Tiến V, xe mô tô BKS; 47M6-9339 cho ông Võ Thành N, xe mô tô 47H8-6924 cho Đào Minh B, xe mô tô BKS: 47H1-037.43 cho ông Lê Văn S do không liên quan đến tội phạm là phù hợp.

Cần phải tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 10.940.000đ là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc nhựa màu đỏ (kích thước 1,6x2m); 01 chén nhựa màu trắng (đường kính 10cm đã bị đập bể); 01 đĩa sứ màu trắng (đường kính 18cm) 04 con vị hình tròn được cắt từ là bài tây; 04 (bốn) lá bài

tây (01 lá bốn cơ, 01 lá bốn chuồn, 01 lá ba cơ, 01 lá ba chuồn) được sử dụng làm bàn xen-kô.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được trước thời điểm đánh bạc diễn ra, ông Lê Văn D và ông Nguyễn Thế Đăng cũng có mặt tại quán cà phê P. Khi ngồi uống cà phê bị cáo M có nhờ ông D tham gia cảnh giới và hứa sẽ cho tiền, tuy nhiên ông D không nhận lời và sau đó đi về. Khi việc đánh bạc bắt đầu diễn ra, Nguyễn Thế Đ cũng có mặt nhưng chỉ ngồi xem một lúc rồi ra về không tham gia đánh bạc nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với căn phòng của quán cà phê P được bị cáo Nguyễn Tiến V sử dụng để cho các con bạc mượn làm địa điểm đánh bạc. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Đoàn Văn A và bà Ngô Thị H gắn liền trên thửa đất đã được UBND huyện B cấp giấy CNQSDĐ số AM059649 ngày 07/12/2009. Đầu năm 2017 ông A và bà H đã cho bị cáo V thuê lại căn nhà này, tuy V là người sử dụng nhưng không phải là chủ sở hữu hợp pháp nên không có cơ sở để tịch thu, các đối tượng đánh bạc ông A và bà H không biết nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M, Huỳnh Văn D, Nguyễn Tiến V, Đào Minh B; Nguyễn Trọng T và Triệu Xuân N phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn M và Bùi Thế M.

- Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Văn M** 08 (tám) tháng tù, tổng hợp 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù của bản án số 230/2018/HSPT ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2017 đến ngày 21/8/2017 và từ ngày 28/02/2018 đến ngày 24/4/2018.

- Xử phạt: bị cáo **Bùi Thế M** 08 (tám) tháng tù, tổng hợp 09 (chín) tháng tù của bản án số 230/2018/HSST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2017 đến ngày 21/8/2017 và từ ngày 28/02/2018 đến ngày 24/4/2018.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Trọng T** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2018 đến ngày 09/3/2018.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Huỳnh Văn D và Nguyễn Tiến V.

- Xử phạt: bị cáo **Huỳnh Văn D** số tiền 25.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Tiến V** số tiền 25.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Điều 36; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đào Minh B và Triệu Xuân N.

- Xử phạt: bị cáo **Đào Minh B** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo tạm giữ từ ngày 28/02/2018 đến ngày 09/3/2018 là 10 ngày (01 ngày bị tạm giữ, tạm giam = 03 ngày cải tạo không giam giữ x 10 ngày = 30 ngày), bị cáo còn phải chấp hành là 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt: bị cáo **Triệu Xuân N** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo tạm giữ từ ngày 28/02/2018 đến ngày 09/3/2018 là 10 ngày (01 ngày bị tạm giữ, tạm giam = 03 ngày cải tạo không giam giữ x 10 ngày = 30 ngày), bị cáo còn phải chấp hành là 11 (mười một) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Đào Minh B, Triệu Xuân N cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nơi các bị cáo cư trú để giám sát giáo dục. Gia đình các bị cáo Đào Minh B, Triệu Xuân N có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

5. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2 Điều 33 Bộ luật hình sự; Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

- Phạt các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M và Nguyễn Trọng T mỗi bị cáo 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước, đối với các bị cáo Đào Minh B và Triệu Xuân N thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

6. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 224 Ngày 27/4/2018, trả lại số tiền 32.850.000 đồng cho Nguyễn Văn M, 8.000.000 đồng cho Bùi Thế M; 14.900.000 đồng cho Huỳnh Văn D, 5.000.000 đồng cho Nguyễn Trọng T và chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 230 ngày 04/5/2018 trả lại chiếc xe mô tô BKS BKS: 47P5-5234 cho Huỳnh Văn D, xe mô tô 47H3-9835 cho Nguyễn Tiến V, xe mô tô BKS: 47M6-9339 cho ông Võ Thành N, xe mô tô 47H8-6924 cho Đào Minh B, xe mô tô BKS: 47H1-037.43 cho ông Lê Văn S do không liên quan đến tội phạm là phù hợp.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 10.940.000đ là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu nhựa màu đỏ (kích thước 1,6x2m); 01 chén nhựa màu trắng (đường kính 10cm đã bị đập bể); 01 đĩa sứ màu trắng (đường kính

18cm) 04 con vị hình tròn được cắt từ lá bài tây; 04 (bốn) lá bài tây (01 lá bốn cơ, 01 lá bốn chuồn, 01 lá ba cơ, 01 lá ba chuồn) được sử dụng làm bàn xen-kô.

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện B ngày 28/5/2018 và biên lai thu tiền số 0003936 ngày 28/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B).

7. Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm d khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn M, Bùi Thế M, Huỳnh Văn D, Nguyễn Tiến V và Nguyễn Trọng T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Đào Minh B, Triệu Xuân N thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ;
- VKSND huyện ;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện;
- Các bị cáo;
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa cho bị cáo;
 - UBND xã T, huyện B;
- Chi cục THADS huyện ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Xuân Sơn